

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA AN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/HS-ST

Ngày: 24 - 6 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA AN, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dong

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Diệp

2. Bà Lưu Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Nụ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 20/2022/TLST-HS ngày 24 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 6 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn T (tên gọi khác: Không); Sinh ngày 17 tháng 9 năm 1996 tại xóm H, huyện H, Cao Bằng; Nơi ĐKKTT và chỗ ở hiện nay: xóm B, xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn V, sinh năm 1964 nghề nghiệp: Lao động tự do, trú tại: xóm B, xã H, huyện H, Cao Bằng và bà Lê Thị N (Đã chết); Vợ Hoàng Thị L, sinh năm 1998; Con có 01 con Phạm Thảo M sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Không

Về nhân thân:

- Quyết định số 467/QĐ-XPHC ngày 25/4/2013 về hành vi vận chuyển hàng cấm; Công an thành phố Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính (đã nộp phạt xong ngày 25/4/2013)

- Quyết định số 58/QĐ-XPHC ngày 18/4/2017 về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, Công an phường Ngọc Xuân, thành phố Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính (đã nộp phạt xong ngày 18/4/2017)

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/3/2022 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Hoàng Thị L (tên gọi khác: Không); Sinh ngày 27 tháng 5 năm 1998 tại xóm B, huyện B, Cao Bằng; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: xóm B, xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn C, sinh năm 1979 và bà Nông Thị Q, sinh năm 1977, nghề nghiệp: Làm ruộng, cùng trú tại: xóm N, xã B, huyện B, tỉnh Cao Bằng; Chồng Phạm Văn T, sinh năm 1996; Con có 01 con Phạm Thảo M sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/3/ 2022 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

- Anh Phạm Đức Đ, sinh ngày 01/10/1991

Nơi cư trú: Xóm B, xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Lưu Công T, sinh ngày 28/12/1990

Nơi cư trú: Tổ 7, Phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 23/02/2022, Phạm Văn T cùng vợ là Hoàng Thị L đã bàn bạc thống nhất để T đi mượn xe mô tô của anh Phạm Đức Đ là anh họ của vợ chồng T để mang đi cầm đồ, sau đó lấy số tiền cầm đồ được mang trả nợ ngân hàng. Đến khoảng 16 giờ ngày 23/02/2022, Thoại đến nhà của anh Đ hỏi mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA SH, biển kiểm soát 11B1-158.xx màu xanh đen để đưa vợ, con đi thị trấn N và được anh Đ đồng ý. Khi đi được 15 phút thì L gọi điện thoại cho anh Đ và nói rằng: "Xe đang bị Công an Hòa An bắt, phải mang giấy tờ lên", sau đó L đến nhà Đ lấy giấy đăng ký xe mô tô. Ngay sau khi lấy được giấy tờ xe thì T và L chở theo con là Phạm Thảo M (sinh năm 2020) đi thành phố C đến hiệu cầm đồ P (tại Tổ 7, phường S, thành phố C) bán chiếc xe trên cho anh Lưu Công T – chủ tiệm cầm đồ với giá 37.000.000đ (Ba mươi bảy triệu đồng). Sau đó, Phạm Văn T và Hoàng Thị L sử dụng số tiền trên vào mục đích trả nợ ngân hàng và tiêu xài cá nhân.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hòa An đã thu giữ được chiếc xe mô tô 11B1-158.xx mà Phạm Văn T và Hoàng Thị L đã bán cho cửa hàng cầm đồ.

Ngày 08/3/2022, Cơ quan điều tra Công an huyện Hòa An yêu cầu xác định giá trị số tài sản mà Phạm Văn T và Hoàng Thị L lừa đảo được của anh Phạm Đức Đ. Tại Kết luận định giá số: 04/KL-ĐGTS, ngày 11/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự huyện Hòa An xác định: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA SH 125I, biển kiểm soát: 11B1- 158.xx màu xanh đen trị giá: 47.500.000 đồng (*Bốn mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*).

Bản cáo trạng số: 22/CT-VKSHA ngày 19/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An đã truy tố bị cáo Phạm Văn T và Hoàng Thị L về Tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự. Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị các bị cáo Phạm Văn T, Hoàng Thị L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; Điều 17; Điều 38; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 12 đến 16 tháng tù

Áp dụng khoản 1 Điều 174; Điều 17; Điều 58; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hoàng Thị L từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với cả hai bị cáo.
- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Buộc các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại số tiền 37.000.000đ (*Ba mươi bảy triệu đồng*) cho anh Lưu Công T.
- Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Hoàn trả cho anh Phạm Đức Đ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA SH 125i màu xanh đen, biển kiểm soát: 11B1- 158.xx, số khung 4222FY028367, số máy JF42E1028939 xe không có gương chiếu hậu, xe đã qua sử dụng và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 007357, mang tên Phạm Đức Đ.

+ Hoàn trả cho bị cáo Hoàng Thị L 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 085 083 844 mang tên Hoàng Thị L.

- Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên về tội danh cũng như mức hình phạt; tuy nhiên trong lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Hòa An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo đã thực hiện, tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mình; lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua đó đã xác định được lợi dụng tin tưởng của chủ sở hữu tài sản trong việc quản lý tài sản: Do có khoản vay nợ ngân hàng đến kỳ trả nên các bị cáo Phạm Văn T và Hoàng Thị L đã cùng nhau bàn bạc thống nhất mượn xe máy của anh Phạm Đức Đ để mang đi cầm đồ. Cụ thể khoảng 16 giờ ngày 23/02/2022, bị cáo T đến nhà anh Đ mượn xe mô tô nhãn hiệu HONDA SH 125I, biển kiểm soát: 11B1-158.xx. Khi mượn được xe và giấy đăng ký xe mô tô, thì bị cáo T chở bị cáo L đến cửa hiệu cầm đồ P tại thành phố C bán với giá 37.000.000đ dùng số tiền trên vào mục đích trả nợ ngân hàng và tiêu xài cá nhân. Chiếc xe mô tô này qua trung cầu định giá có trị giá là 47.500.000 đồng (*Bốn mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*).

Hành vi của các bị cáo Phạm Văn T và Hoàng Thị L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 như Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng. Lợi dụng sự tin tưởng của chủ tài sản, các bị cáo dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của bị hại mang đi cầm đồ lấy tiền để đáp ứng cho nhu cầu cá nhân. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương làm thiệt hại đến kinh tế của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Với giá trị tài sản phạm tội khá lớn, các bị cáo thực hiện hành vi có sự bàn bạc, thống nhất trước, do khó khăn về kinh tế nên các bị cáo đã phạm tội, hành vi của các bị cáo mang tính chất đồng phạm giản đơn.

Xét về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo:

Đối với bị cáo T là người có nhân thân xấu, cụ thể tại Quyết định số 467/QĐ-XPHC ngày 25/4/2013 Vận chuyển hàng cấm; Công an thành phố Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính; Quyết định số 58/QĐ-XPHC ngày 18/4/2017 Sử dụng trái phép chất ma túy, Công an phường Ngọc Xuân, thành phố Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính. Tính đến ngày bị cáo phạm tội lần này đã quá thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính, do vậy được xác định bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Qua đó bị cáo không lấy đó làm bài học mà tiếp tục phạm tội. Trong vụ án bị cáo là người có vai trò khởi xướng, chủ động trước có sự bàn bạc thống nhất với bị cáo L để thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại có đơn xin giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo. Các tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tình tiết tăng nặng: không. Xét thấy, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng để trừng trị, cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội cũng như đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung. Do đó khi xem xét mức hình phạt Hội đồng xét xử cần nhắc xem xét đến tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Để đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật cần áp dụng hình phạt tù và trên mức khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với bị cáo L có nhân thân tốt và đang nuôi con nhỏ, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn không có tiền trả nợ ngân hàng nên bị cáo đã phạm tội. Trong vụ án này bị cáo với vai trò đồng phạm là người thực hiện trực tiếp giao dịch mua bán xe với chủ hiệu cầm đồ. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại có đơn xin giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo. Các tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Từ những phân tích trên xét bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì cũng không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Do đó, chưa cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà nên giao bị cáo cho gia đình và chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú, lao động để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm của mình để trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội sau này. Khi xem xét mức hình phạt cần áp dụng trên mức khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Liên quan đến vụ án này còn có anh Lưu Công T, chủ cửa hiệu cầm đồ P: Anh T là người đã mua chiếc xe do bị cáo T, bị cáo L mang đến bán, tuy nhiên do quá trình điều tra đã xác định được anh T hoàn toàn không biết đây là tài sản do phạm tội mà, do vậy Cơ quan điều tra Công an huyện Hòa An không đặt vấn đề xem xét, xử lý đối với anh T trong vụ án này.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015;

- Tại phiên tòa bị hại anh Phạm Đức Đ không có yêu cầu gì thêm về phần bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

- Buộc các bị cáo phải có trách nhiệm trả cho anh Lưu Công T số tiền 37.000.000đ do các bị cáo đã cầm đồ chiếc xe máy.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA SH 125i màu xanh đen, biển kiểm soát: 11B1- 158.xx số khung 4222FY028367, số máy JF42E1028939 xe không có gương chiếu hậu, xe đã qua sử dụng, xe đã qua sử dụng; Xe này của anh Đ nên cần hoàn trả cho chủ sở hữu là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 007357, tên chủ xe: Phạm Đức Đ, cần trả cho anh Đ.

Đối với 01 (một) chứng minh nhân dân số 085083844 mang tên Hoàng Thị L đây là giấy tờ tùy thân nên cần trả lại cho bị cáo L là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Áp dụng các điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; Điều 17, Điều 38; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Phạm Văn T.

Căn cứ khoản 1 Điều 174; Điều 17, Điều 58; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Hoàng Thị L.

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn T, bị cáo Hoàng Thị L phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”

2. Xử phạt:

Bị cáo Phạm Văn T 12 (*Mười hai*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Bị cáo Hoàng Thị L 24 (*Hai mươi bốn*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 48 (*Bốn mươi tám*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 24/6/2022.

Giao bị cáo Hoàng Thị L cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, Cao Bằng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, Cao Bằng trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự;

Buộc các bị cáo Phạm Văn T, bị cáo Hoàng Thị L phải có trách nhiệm liên đới bồi thường mỗi bị cáo số tiền 18.500.000đ (*Mười tám triệu năm trăm nghìn đồng*) cho anh Lưu Công T, địa chỉ Tổ 7, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Xác nhận bị hại anh Đ tại phiên tòa không có yêu cầu các bị cáo bồi thường dân sự gì thêm nên HĐXX không đặt vấn đề xem xét .

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lưu Công T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các bị cáo Phạm Văn T, Hoàng Thị L không thi hành khoản tiền bồi thường nêu trên, thì hàng tháng các bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Hoàn trả cho bị hại anh Phạm Đức Đ có địa chỉ: xóm B, huyện H, Cao Bằng 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA SH 125i màu xanh đen, biển kiểm soát: 11B1- 158.xx số khung 4222FY028367, số máy JF42E1028939 xe không có gương chiếu hậu, xe đã qua sử dụng; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 007357, tên chủ xe: Phạm Đức Đ.

- Hoàn trả cho bị cáo Hoàng Thị L 01 (một) chứng minh nhân dân số 085083844 mang tên Hoàng Thị L.

Xác nhận số vật chứng này hiện nay đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa An theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 20/5/2022.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Buộc các bị cáo Phạm Văn T, Hoàng Thị L mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 925.000 đ (*Chín trăm hai mươi năm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tổng cộng cả hai khoản án phí mỗi bị cáo phải nộp là 1.125.000đ (*Một triệu một trăm hai mươi năm nghìn đồng*) để sung quỹ nhà nước.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại khoản 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người CQLNVLQ;
- Công an huyện Hòa An;
- Viện kiểm sát Hòa An;
- Viện kiểm sát tỉnh Cao Bằng;
- Sở tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- Thi hành án DS Hòa An;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Dong